

Số: /BC-UBND

Nghĩa Giang, ngày tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO

Đánh giá hiện trạng, khả năng đạt các tiêu chí Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 và định hướng 2035 của xã Nghĩa Giang

Thực hiện Công văn 4252/SNNMT-PTNT ngày 07/10/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc triển khai triển khai thực hiện các nội dung kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Phước Hiền tại Thông báo số 183/TB-UBND ngày 23/9/2025;

Qua rà soát, UBND xã Nghĩa Giang báo cáo Đánh giá hiện trạng, khả năng đạt các tiêu chí Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 và định hướng 2035 trên địa bàn xã, cụ thể như sau:

I. THỰC TRẠNG

Xã Nghĩa Giang được thành lập tại Nghị quyết số 1677/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi trên cơ sở hợp nhất từ 3 đơn vị hành chính cấp xã, gồm xã Nghĩa Thuận, xã Nghĩa Kỳ, xã Nghĩa xã Nghĩa Điền; có diện tích tự nhiên là 47,741 km², quy mô dân số 39.371 người, có 18 thôn. Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp phường Nghĩa Lộ và xã Tư Nghĩa; phía Tây giáp xã Trà Giang, phía Nam giáp xã Nghĩa Hành và xã Phước Giang, phía Bắc giáp xã Sơn Tịnh.

II. Kết quả thực hiện theo Bộ tiêu chí Quốc gia về NTM

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới theo qui định là 4/10 tiêu chí, đạt 40%, cụ thể như sau:

II. Tiến độ thực hiện xây dựng nông thôn mới của xã Nghĩa Giang theo giai đoạn 2026-2030 đạt chuẩn nông thôn mới như sau:

1. Tiêu chí 1- Quy hoạch:

Yêu cầu tiêu chí và đánh giá tiêu chí:

1.1. Có quy hoạch chung xã[1] được phê duyệt phù hợp theo từng nhóm xã, được công bố công khai đúng thời hạn và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch. Chưa đạt.

1.2. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương (áp dụng với xã nhóm 2, 3). Chưa đạt.

1.3. Có quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn tại trung tâm xã được phê duyệt hoặc được tích hợp trong Quy hoạch chung xã. Chưa đạt.

Thời gian đến bổ sung quy hoạch chung, quy hoạch tích hợp.

Đánh giá tiêu chí: Chưa đạt.

2. Tiêu chí 2- Hạ tầng kinh tế - xã hội:

2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn xã đạt chuẩn theo quy hoạch, đảm bảo kết nối và được bảo trì hàng năm. Đạt 85%. (đạt)

2.2. Tỷ lệ km đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường. Đạt

2.3. Đảm bảo chất lượng đường ngõ, xóm. Đạt

2.4. Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm, đảm bảo tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới, tiêu nước chủ động của các xã $\geq 80\%$. Đạt.

2.5. Tổ chức quản lý, khai thác công trình cấp nước tập trung (nếu có) hoạt động bền vững. Đạt.

2.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

2.7. Tỷ lệ hộ thuộc đối tượng bố trí ổn định dân cư (được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt) có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố tại điểm bố trí dân cư. Đạt.

2.8. Hệ thống điện đạt chuẩn. Đạt.

2.9. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định. Đạt.

2.10. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn. Đạt.

2.11. Hạ tầng điểm tập kết, trạm trung chuyển, cơ sở xử lý chất thải rắn trên địa bàn (nếu có) đáp ứng quy định về bảo vệ môi trường. Đạt.

2.12. Có hạ tầng thoát nước khu dân cư nông thôn và công trình xử lý nước thải sinh hoạt áp dụng biện pháp phù hợp. Đạt.

- Phát động phong trào hàng năm tết trồng cây, bổ sung các tuyến đường liên xã, đường thôn.

- Bố trí kinh phí duy tu bảo dưỡng hàng năm để duy trì.

Bố trí kinh phí hàng năm để duy tu các công trình thủy lợi đảm bảo để tưới tiêu chủ động.

Đánh giá tiêu chí: Đạt.

3. Tiêu chí 3- Kinh tế nông thôn:

3.1. Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2030 (triệu đồng/người). Đạt

3.2. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản phẩm trên địa bàn xã. Chưa đạt.

3.3. Có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực tại địa phương, trong đó hợp tác xã hoặc tổ hợp tác hoặc doanh nghiệp giữ vai trò trung tâm liên kết và mô hình này hoạt động hiệu quả, có hợp đồng sản xuất ổn định. Đạt

3.4. Đảm bảo diện tích đất sản xuất nông nghiệp được sử dụng hiệu quả theo quy hoạch đất sản xuất nông nghiệp được phê duyệt. Đạt

3.5. Có kế hoạch và triển khai phát triển sản phẩm OCOP hiệu quả, gắn với lợi thế, thế mạnh của địa phương. Đạt.

3.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có). Đạt

3.7. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả. Đạt

3.8. Các mô hình du lịch nông thôn trong quy hoạch chung của xã (nếu có) được đầu tư hạ tầng đồng bộ kết nối và hoạt động hiệu quả gắn với đặc trưng của từng địa phương. Chưa đạt

3.9. Có vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã. Đạt

3.10. Có mô hình kinh tế tuần hoàn, hoặc mô hình kinh tế xanh, hoặc mô hình nông nghiệp hữu cơ, hoặc mô hình nông nghiệp thông minh. Chưa đạt

3.11. Có đề án/kế hoạch phát triển kinh tế tư nhân gắn với tạo việc làm cho lao động tại chỗ, số lượng doanh nghiệp tư nhân tăng theo từng năm. Chưa đạt

3.12. Tỷ lệ hợp tác xã hoạt động được xếp loại khá, tốt theo quy định. Đạt

3.13. Có khu công nghiệp, hoặc cụm công nghiệp, khu vực sản xuất, dịch vụ quy mô phù hợp được đầu tư xây dựng (theo quy hoạch) đảm bảo đáp ứng các quy định hiện hành. Chưa đạt

- Chưa có mô hình kinh tế tuần hoàn, hoặc mô hình kinh tế xanh, hoặc mô hình nông nghiệp hữu cơ, hoặc mô hình nông nghiệp thông minh.

- Tạo việc làm cho lao động tại chỗ, số lượng doanh nghiệp tư nhân tăng theo từng năm chưa đáp ứng.

Đánh giá tiêu chí: Chưa đạt.

4. Tiêu chí 4 – Nguồn nhân lực nông thôn:

4.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ.

4.2. Tỷ lệ lao động nông thôn được đào tạo, tập huấn nghề phi nông nghiệp.

4.3. Trung tâm học tập cộng đồng cấp xã được đánh giá, xếp loại.

4.4. Có kế hoạch và thực hiện kế hoạch đào tạo cho người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ nghèo có khả năng lao động và có nhu cầu.

- Xây dựng kế hoạch rà soát, điều tra lực lượng lao động nông nghiệp, tổ chức các lớp tập huấn nghề phi nông nghiệp.

- Cùng cố, kiện toàn Trung tâm học tập cộng đồng trong thời gian đến; rà soát, đánh giá theo quy định.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo cho người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ nghèo có khả năng lao động và có nhu cầu.

Đánh giá tiêu chí: Chưa đạt.

5. Tiêu chí 5 – Văn hóa, Giáo dục, Y tế.

5.1. Xã đạt tiêu chí về phát triển văn hóa. Ước đạt

5.2. Xã đạt tiêu chí về phát triển giáo dục. Ước đạt

5.3. Xã đạt tiêu chí về phát triển y tế. Ước đạt

- Phân mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường. Tiêu chí này cần được triển khai phổ biến rộng rãi trong thời gian đến.

Đánh giá tiêu chí: Đạt.

6. Tiêu chí 6 – Giảm nghèo và An sinh xã hội.

6.1. Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2026-2030. Ước đạt

6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố. Ước đạt

6.3. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn. Ước đạt

6.4. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới. Ước đạt.

6.5. Phòng chống xâm hại trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có). Ước đạt

6.6. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi. Ước đạt.

6.7. Tỷ lệ nông dân và lao động khu vực phi chính thức tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trong lực lượng lao động trong độ tuổi. Ước đạt

6.8. Đảm bảo an toàn thực phẩm. Ước đạt.

- Phối hợp với cơ quan BHXH để vận động, tuyên truyền người dân tham gia BHXH tự nguyện.

Đánh giá tiêu chí: Đạt

7. Tiêu chí 7 – Khoa học công nghệ và Chuyển đổi số.

7.1. Có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Ước đạt

7.2. Điểm kết nối số, điểm bưu chính cơ bản phục vụ công cộng và chính quyền số. Chưa đạt

7.3. Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang và dịch vụ mạng di động 5G. Ước đạt.

7.4. Có mô hình ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ trong sản xuất và đời sống được áp dụng hiệu quả. Chưa đạt.

7.5. Kết quả triển khai về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số do các doanh nghiệp, cộng đồng, người dân thực hiện. Chưa đạt.

7.6. Có triển khai hoạt động thương mại điện tử. Đạt 50% (Chưa đạt)

7.7. Xây dựng kế hoạch và triển khai hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số”. Ước đạt.

7.8. Tỷ lệ người trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử. Chưa đạt.

7.9. Tỷ lệ người dân đủ điều kiện được tạo lập tài khoản định danh điện tử (VneID) mức độ 2 trở lên. Ước đạt.

7.10. Có mô hình thôn thông minh. Chưa đạt.

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan để khảo sát, triển khai các điểm phục vụ theo quy định.

- Khi có hướng dẫn cụ thể của Bộ, ngành liên quan sẽ triển khai, thực hiện đảm bảo theo quy định.

- Phối hợp với các cơ quan, tổ chức phổ biến, tuyên truyền, phát động chiến dịch cài đặt cho người dân.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện mô hình theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

Đánh giá tiêu chí: Chưa đạt.

8. Tiêu chí 8 – Môi trường và cảnh quan nông thôn.

8.1. Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ phân loại, thu gom $\geq 90\%$; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp dưới 50% tổng lượng chất thải phát sinh. Ước đạt.

8.2. Tỷ lệ chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái chế thành sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu, phân bón. Ước đạt.

8.3. Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ[2], cụm công nghiệp; làng nghề (nếu có) bảo đảm theo quy hoạch (tách biệt khỏi khu dân cư) và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường”. Ước đạt.

8.4. Có phương án và thực hiện phương án phù hợp về thoát nước, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu, cụm, điểm dân cư, hộ gia đình trên địa bàn xã đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường. Ước đạt.

8.5. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; có mô hình cải tạo, phục hồi cảnh quan, xử lý chất lượng nước mặt ao hồ, kênh mương trên địa bàn thành điểm sinh hoạt cộng đồng. Ước đạt.

8.6. Có mô hình khu dân cư (hoặc làng nghề) sinh thái hoặc mô hình cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường. Ước đạt.

Đánh giá tiêu chí: Đạt.

9. Tiêu chí 9 – Hệ thống chính trị và Hành chính công.

9.1. Tỷ lệ cán bộ, công chức xã được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

9.2. Chính quyền xã được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

9.3. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

9.4. Chính quyền số cấp xã hoạt động thường xuyên, hiệu quả và đảm bảo tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình. Đạt

9.5. Trung tâm phục vụ hành chính công. Chưa đạt.

9.6. Tỷ lệ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước. Đạt

9.7. Tỷ lệ thôn đạt chuẩn nông thôn mới. Đạt.

- Chưa có kết quả đánh giá, xếp loại của cấp có thẩm quyền nên chưa đánh giá được trong thời điểm hiện tại; các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức thực hiện các công việc thể lĩnh vực phân công, phụ trách đảm bảo chất lượng, hiệu quả để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Trong thời gian đến đề xuất bố trí bổ sung quy hoạch trụ sở TT đảm bảo về quy mô, diện tích, vị trí đảm bảo theo quy định.

Đánh giá tiêu chí: Chưa đạt.

10. Tiêu chí 10 – Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng.

10.1. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Đạt

10.2. Đảm bảo an ninh, trật tự; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện và hiệu quả. Đạt.

10.3. Có hệ thống camera giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã. Chưa đạt (đạt 30%).

10.4. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng. Đạt

10.5. Hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân đảm bảo nâng cao chất lượng. Đạt.

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn lực lượng ANCS.

- Tiếp tục rà soát các địa điểm trọng yếu, phức tạp về ANTT. Tăng cường đề xuất UBND xã cấp kinh phí và vận động các nguồn xã hội hóa để lắp đặt các hệ thống Camera. Chưa đạt.

Đánh giá tiêu chí: Chưa đạt.

(Chi tiết có phụ lục đính kèm)

III. Đề xuất, kiến nghị:

- Tiếp tục đầu tư xây dựng các tiêu chí đã đạt nhưng chưa mang tính bền vững.

- Cấp trên quan tâm bố trí các nguồn vốn của những tiêu chí cứng cần nguồn vốn đầu tư để thực hiện.

Trên đây là báo cáo đánh giá hiện trạng, khả năng đạt các tiêu chí Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 và định hướng 2035 của xã Nghĩa Giang

Nơi nhận:

- Thành viên BCD;
- Lưu: VT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Cao Thanh Tuyên

